

Số: 06/2022/QĐST-KDTM

Tuy Hòa, ngày 25 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 02/2022/TLST-KDTM ngày 25 tháng 01 năm 2022.

**XÉT THẤY**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q; Địa chỉ: đường L, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội.

*Bị đơn:* Công ty TNHH B; Địa chỉ: đường N, Phường S, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Bị đơn Công ty TNHH B thống nhất trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q số tiền vay còn nợ, theo Hợp đồng cho vay số 17965.18.850.3661182.TD ngày 30/5/2018, Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay số 17965.18.850.3661182.TD.PL01 ngày 21/01/2019 và các đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ, tính đến ngày 14/4/2022 tổng cộng là 11.507.969.487 đồng (trong đó: Nợ gốc là 7.384.763.975 đồng, nợ lãi là 4.123.205.512 đồng).

Về thời gian và phương thức thanh toán: Đến ngày 15/8/2022, bị đơn phải trả dứt điểm cho nguyên đơn số nợ trên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hoà giải thành (ngày 15/4/2022) cho đến khi trả xong số tiền trên, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng cho vay số 17965.18.850.3661182.TD ngày 30/5/2018, Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay số 17965.18.850.3661182.TD.PL01 ngày 21/01/2019 và các đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ được ký kết giữa Công ty TNHH B và Ngân hàng TMCP Q.

Trường hợp khi đến thời hạn thanh toán đã thỏa thuận, nếu bị đơn không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 2657.19.850.3661182.BĐ ngày 24/01/2019, Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 2852.19.850.3661182.BĐ ngày 24/01/2019, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 4967.18.850.3661182.BĐ ngày 09/02/2018 và các Phụ lục số 12512.18.850.3661182.BĐ.PL01 ngày 12/12/2018, Phụ lục số 4967.18.850.3661182.BĐ.PL01 ngày 12/12/2018 được ký kết giữa Công ty TNHH B và Ngân hàng TMCP Q để thu hồi nợ.

Sau khi phát mãi tài sản thế chấp của bị đơn mà chưa đủ trả nợ cho nguyên đơn thì bị đơn có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu đến khi trả dứt điểm nợ.

Ngân hàng TMCP Q phải trả cho Công ty TNHH B 10 (Mười) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (bản chính), gồm:

STT	Giấy chứng nhận	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Địa chỉ thửa đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )
1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 042210, số vào sổ cấp GCN: CT 03741, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 08/12/2017 cho Công ty TNHH Bích Hợp	704	58 (Đo vẽ năm 2010)	Lô NHS-22-Khu nhà ở xã hội Nam Hùng Vương, khu phố 3, phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	70

2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 042215, số vào sổ cấp GCN: CT 03746, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 08/12/2017 cho Công ty TNHH Bích Hợp	709	58 (Đo vẽ năm 2010)	Lô NHS-32-Khu nhà ở xã hội Nam Hùng Vương, khu phố 3, phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	70
3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 042167, số vào sổ cấp GCN: CT 03562, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 08/12/2017 cho Công ty TNHH Bích Hợp	661	58 (Đo vẽ năm 2010)	Lô BH10-03-Khu nhà ở xã hội Nam Hùng Vương, khu phố 3, phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	70
4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 042197, số vào sổ cấp GCN: CT 03729, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 08/12/2017 cho Công ty TNHH Bích Hợp	691	58 (Đo vẽ năm 2010)	Lô BH10-04-Khu nhà ở xã hội Nam Hùng Vương, khu phố 3, phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	70
5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 042195, số vào sổ cấp GCN: CT 03727, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 08/12/2017 cho Công ty TNHH Bích Hợp	689	58 (Đo vẽ năm 2010)	Lô BH10-08-Khu nhà ở xã hội Nam Hùng Vương, khu phố 3, phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	70
6	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 042170, số vào sổ cấp GCN: CT 03565, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 08/12/2017 cho Công ty TNHH Bích Hợp	664	58 (Đo vẽ năm 2010)	Lô BH10-09-Khu nhà ở xã hội Nam Hùng Vương, khu phố 3, phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	70

7	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 042144, số vào sổ cấp GCN: CT 03539, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 08/12/2017 cho Công ty TNHH Bích Hợp	638	58 (Đo vẽ năm 2010)	Lô BH8-11A-Khu nhà ở xã hội Nam Hùng Vương, khu phố 3, phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	70
8	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 042106, số vào sổ cấp GCN: CT 03695, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 08/12/2017 cho Công ty TNHH Bích Hợp	599	58 (Đo vẽ năm 2010)	Lô BH7-01-Khu nhà ở xã hội Nam Hùng Vương, khu phố 3, phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	67
9	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 042021, số vào sổ cấp GCN: CT 03610, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 08/12/2017 cho Công ty TNHH Bích Hợp	514	58 (Đo vẽ năm 2010)	Lô BH7-48-Khu nhà ở xã hội Nam Hùng Vương, khu phố 3, phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	70
10	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 042001, số vào sổ cấp GCN: CT 03590, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 08/12/2017 cho Công ty TNHH Bích Hợp	494	58 (Đo vẽ năm 2010)	Lô BH7-39-Khu nhà ở xã hội Nam Hùng Vương, khu phố 3, phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	80

Về án phí: Bị đơn Công ty TNHH B tự nguyện chịu 59.753.985 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q số tiền 59.572.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0004993 ngày 25/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu 3.000.000 đồng (đã nộp đủ).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b; 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh P;
- VKSND TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thanh Vân**